

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HOÀI NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 252/2021/DS-ST

Ngày: 19-8-2021

V/v tranh chấp về hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀI NHƠN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Á

2. Ông Phan Văn Siêng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 19 tháng 8 năm 2021 tại Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 197/2021/TLST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2021 về việc Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 175/2021/QĐXX-ST ngày 22 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1972 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn D, xã H, thị xã H, tỉnh B.

2. Bị đơn:

- Bà La Thị Nh, sinh năm 1967 (Vắng mặt)

- Ông Trần Văn A, sinh năm 1969 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn K, xã H, thị xã H, tỉnh B.

(Bà H, bà Nh và ông A đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn bà H trong quá trình giải quyết vụ án: Ngày 24/3/2020, bà cho vợ chồng bà

Nh ông A mượn số tiền 50.000.000 đồng. Ông A bà Nh hẹn khi nào bà cần sẽ trả nhưng bà đã đòi nhiều lần mà ông A bà Nh không trả. Nay bà H yêu cầu ông A bà Nh trả cho bà số tiền 50.000.000 đồng. Vì dịch bệnh Covid 19 nên bà đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà.

- Theo bản tự khai, lời trình bày của bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án:

+ Bà Nh trình bày: Trước đây, vợ chồng bà mượn của bà H số tiền 50.000.000 đồng để làm ăn, bà có ký vào giấy nợ. Nay vợ chồng bà đã ly hôn, bà để lại toàn bộ tài sản cho ông A nên ông A phải có trách nhiệm trả số nợ này cho bà H. Bà không đồng ý trả nợ cho bà H. Vì dịch bệnh Covid 19 nên bà đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà.

+ Ông A trình bày: Trước đây, vợ chồng ông mượn của bà H số tiền 50.000.000 đồng để làm ăn, có ký giấy nợ. Hiện nay vợ chồng ông đã ly hôn. Ông xác định đây là nợ chung của ông và bà Nh. Ông sẽ trả 25.000.000 đồng và xin trả dần một năm 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ vì hiện nay ông đang bị bệnh thận. Ông A đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền vay nên theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự quan hệ pháp luật được xác định là Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản. Bị đơn ông Án, bà Nh đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn K, xã H, thị xã H, tỉnh B nên theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đề nghị xét xử vắng mặt, theo qui định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Nội dung giấy ghi nợ tiền đề ngày 24/3/2020 do bà H cung cấp, thể hiện ông Trần Văn A có nợ bà Phạm Thị H số tiền 50.000.000 đồng. Tuy giấy này không thể hiện thông tin về lý do nợ, mục đích vay, thời hạn vay, lãi suất... nhưng theo sự thừa nhận của các bên thì số tiền nợ này là vay của bà H và không có yêu cầu, tranh chấp gì về lãi hay thời gian vay nên xác định đây là hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn và không có lãi. Phần cuối giấy ghi nợ tiền nói trên ông A và bà Nh đều ký tên, ông A và bà Nh cũng thừa nhận việc vay tiền của bà H và chưa trả nên xác định việc ông A bà Nh vay của bà H số tiền 50.000.000 đồng và chưa trả là đúng sự thật.

[4] Thời điểm vay tiền của bà H thì ông A và bà Nh là vợ chồng, do đó, ông A và bà Nh có nghĩa vụ chung về tài sản đối với việc vay tiền với bà H. Đến

ngày 24/11/2020, ông A và bà Nh ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số xx/2020/QĐST-HNGĐ của Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định nhưng về tài sản thì không yêu cầu giải quyết. Như vậy, vấn đề tài sản giữa ông A và bà Nh chưa được giải quyết khi ly hôn, giữa các bên cũng không có thỏa thuận nào về phân chia tài sản, nợ chung... nên nghĩa vụ chung về khoản tiền vay của bà H vẫn có hiệu lực sau khi ông A, bà Nh ly hôn và ông A bà Nh phải chịu trách nhiệm liên đới đối với nghĩa vụ chung. Bà Nh cho rằng đã giao hết tài sản cho ông A nên ông A có trách nhiệm trả nợ nhưng không được ông A, bà H đồng ý và không có căn cứ nên không được chấp nhận. Ông A tự xác định nghĩa vụ của mình đối với số tiền 25.000.000 đồng trong tổng số tiền vay bà H và xin trả dần mỗi năm số tiền 5.000.000 đồng là không có căn cứ, không phù hợp với qui định của pháp luật. Bà H cũng không đồng ý cho ông A trả dần nên không có cơ sở để chấp nhận ý kiến này của ông A. Ông A bà Nh chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền là đã xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà H nên bà H khởi kiện yêu cầu trả tiền là đúng qui định của pháp luật. Do đó, chấp nhận yêu cầu của bà H, buộc ông A bà Nh phải liên đới trả cho bà H số tiền 50.000.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo qui định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án thì yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 50.000.000 đồng x 5% = 2.500.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 27, 37, 60 của Luật Hôn nhân và gia đình; các điều 288, 357, 463, 466, 469 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H.

- Buộc ông Trần Văn A và bà La Thị Nh liên đới trả cho bà Phạm Thị H số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các

khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn A và bà La Thị Nh phải chịu 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

3. Về tiền tạm ứng án phí: Trả lại cho bà Phạm Thị H số tiền 1.250.000 đồng (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) bà đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001280 ngày 08 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định.

4. Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thị xã Hoài Nhơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hồng Hoàng